

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học; Chuyên ngành: Hoá sinh Y học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: TRẦN HUY THỊNH

2. Ngày tháng năm sinh: 09/ 01/ 1978; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Nam Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 6, tổ 11, cụm dân cư số 3, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: P1103, Chung cư Thanh Xuân Complex, số 6, phố Lê Văn Thiêm, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại di động: 091 5651271;

E-mail: tranhuythinh@hmu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 1/2004 đến 9/2004: Giảng viên Bộ môn Hoá sinh, Trường Đại học Y Hà Nội.
- Từ 10/2004 đến 3/2009: Nghiên cứu sinh tại Khoa Y, Đại học Kyoto, Nhật Bản.
- Từ 4/2009 đến 7/2012: Thực tập sinh sau Tiến sĩ, Trung tâm Nghiên cứu Miễn dịch - Dị ứng, Viện Nghiên cứu Quốc gia RIKEN, Nhật Bản.
- Từ 8/2012 đến nay: Giảng viên Bộ môn Hoá sinh, Trường Đại học Y Hà Nội.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Chức vụ hiện nay: Giảng viên Cao cấp, Phó trưởng Bộ môn Hoá sinh; Trưởng phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ; Phó Giám đốc Trung tâm Kiểm chuẩn chất lượng xét nghiệm Y học, Trường Đại học Y Hà Nội;

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Y Hà Nội

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Y Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: số 1, phố Tôn Thất Tùng, quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu: chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 23 tháng 8 năm 2001; số văn bằng: B354642; ngành: Y học, chuyên ngành: Bác sĩ đa khoa; Nơi cấp bằng đại học: Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam
- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 24 tháng 5 năm 2010; số văn bằng: IHAKU 3475; ngành: Y học; chuyên ngành: Y học Phân tử; Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Đại học Kyoto, Kyoto, Nhật Bản

10. Đã được công nhận chức danh PGS ngày 9 tháng 3 năm 2018, ngành: Y học

Đã được bổ nhiệm chức danh PGS ngày 28 tháng 3 năm 2018, ngành: Y học

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Bệnh học phân tử ung thư và ứng dụng trong sàng lọc, chẩn đoán, điều trị.
- Nghiên cứu đột biến gen ứng dụng trong chẩn đoán các bệnh lý di truyền, xác định người mang gen gây bệnh và chẩn đoán trước sinh.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 04 NCS bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ; trong đó hướng dẫn chính 03 NCS bảo vệ thành công luận án và được cấp bằng Tiến sĩ.

- Đã hướng dẫn (số lượng) 21 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này).

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:

- + Số lượng 11 đề tài, bao gồm 06 đề tài cấp Nhà nước; 04 đề tài cấp Bộ và 01 đề tài cấp Sở KH&CN;
- + Trong đó chủ nhiệm 02 đề tài cấp Nhà nước và 01 đề tài nhánh cấp nhà Nước;
- + Đang thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước, 02 đề tài cấp Bộ Y tế và 01 đề tài do quỹ VINIF tài trợ.

- Đã công bố **149** bài báo khoa học, trong đó **26** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: không.
- Số lượng sách đã xuất bản 08 sách, trong đó 08 sách thuộc nhà xuất bản có uy tín.
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế ngày 07/08/2017.
- Kỷ niệm chương vì thế hệ trẻ ngày 19/05/2018.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/06/2021.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Trong thời gian giảng dạy và nghiên cứu tại Trường Đại học Y Hà Nội, tôi tự nhận thấy có đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo và đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định, cụ thể là:

- Trung thành với Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa, luôn chấp hành nghiêm mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, qui định của Nhà trường.
- Là một cán bộ giảng dạy có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, trung thực, lối sống khiêm tốn và giản dị, có tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết với đồng nghiệp, hoà đồng với học viên và sinh viên. Luôn chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức cho học viên, sinh viên và đồng nghiệp.
- Bản thân luôn tích cực rèn luyện đạo đức, tác phong, tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Tham gia công tác quản lý giảng dạy ở bộ môn, quản lý khoa học và công nghệ, hoạt động chuyên môn chuyên ngành xét nghiệm Y học theo sự phân công của Nhà trường.
- Chuẩn bị bài đầy đủ khi lên lớp và lên lớp đúng giờ. Giảng dạy có chất lượng tốt, được đồng nghiệp, học viên và sinh viên quý mến, tin tưởng. Hoàn thành định mức giờ giảng hàng năm theo quy định, tích cực hướng dẫn học viên sau đại học và thực hiện nghiên cứu khoa học. Kết hợp tốt giữa giảng dạy và nghiên cứu khoa học.
- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có nhiều đóng góp xây dựng đơn vị và Nhà trường.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 10 năm 8 tháng.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn
 nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017	2	1	2		80,2	403,9	484,1/617,4/280
2	2017-2018		1	2		32,0	464,1	496,1/562,8/280
3	2018-2019	2	2	3		71,3	411,1	482,4/657,4/360
03 năm học cuối								
4	2019-2020	2	1	4		71,8	310,7	382,5/557,5/360
5	2020-2021	2	1	5		10,8	313,5	324,3/524,3/360
6	2021-2022	2	1	2		30,0	305,1	335,1/460,0/350

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận án TS ; tại nước: Nhật Bản năm 2010

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam – Chương trình Cử nhân Điều dưỡng Tiên tiến.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BS NT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/B SNT	Chính	Phụ			
1	Trịnh Quốc Đạt	X		X		2014-2017	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 6048/QĐ- ĐHYHN ngày 29/12/2017
2	Trần Khánh Chi	X		X		2014-2019	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 3019/QĐ- ĐHYHN ngày 12/7/2019
3	Nguyễn Ngọc Chung	X			X	2014-2019	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 7134/QĐ- ĐHYHN ngày 31/12/2019
4	Nguyễn Ngân Hà	X		X		2018-2021	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 516/QĐ- ĐHYHN ngày 19/3/2021
5	Lương Minh Hằng	X			X	2018-2021	Trường Đại học Y Hà Nội	Đã bảo vệ cấp cơ sở

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận chức danh Phó Giáo sư						
1	Bệnh học phân tử	GT	NXB Y học Năm 2011	5		53-66; 217- 228	Trường Đại học Y Hà Nội; QĐ số 1921/QĐ- ĐHYHN ngày 28/6/2011
2	Hoá sinh lâm sàng	GT	NXB Y học Năm 2013; Tái bản lần thứ 2 năm 2021	10		267-282	

II	Sau khi được công nhận chức danh Phó Giáo sư						
3	Hoá sinh	GT	NXB Y học Năm 2018; ISBN: 978-604-66-3476-8 Tái bản lần thứ nhất năm 2020	8		65-84; 156-186; 205-215; 216-233; 339-352; 372-385	Trường Đại học Y Hà Nội; QĐ số 6064/QĐ-ĐHYHN ngày 8/11/2018
4	Phương pháp nghiên cứu trong Y sinh học – Tập 2: Một số lưu ý khi lập kế hoạch nghiên cứu cho từng lĩnh vực cụ thể	GT	NXB Y học Năm 2021; ISBN: 978-604-66-4833-8	18		38-66	Trường Đại học Y Hà Nội; QĐ số 3367/QĐ-ĐHYHN ngày 25/8/2020
5	Hoá sinh Y học	GT	NXB Y học Năm 2021; ISBN: 978-604-66-5024-9	7		226-256; 257-273; 326-348	Trường Đại học Y Hà Nội; QĐ số 822/QĐ-ĐHYHN ngày 27/4/2021
6	Tăng sản thượng thận bẩm sinh do thiếu 21-Hydroxylase	CK	NXB Y học Năm 2021; ISBN: 978-604-66-4977-9	3		Tham gia viết toàn bộ 219 trang	Trường Đại học Y Hà Nội; QĐ số 2992/QĐ-ĐHYHN ngày 19/7/2021
7	Bệnh học phân tử ung thư phổi và ứng dụng điều trị	CK	NXB Y học Năm 2022; ISBN: 978-604-66-5588-6	1	X	Toàn bộ 327 trang	Trường Đại học Y Hà Nội; QĐ số 1514/QĐ-ĐHYHN ngày 2/6/2022
8	Đa hình đơn gen và nguy cơ ung thư	CK	NXB Y học Năm 2022; ISBN: 978-604-66-5618-0	1	X	Toàn bộ 298 trang	Trường Đại học Y Hà Nội; QĐ số 1514/QĐ-ĐHYHN ngày 2/6/2022

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS: **02 sách – số thứ tự 7, 8.**

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận chức danh Phó Giáo sư				
1	Đánh giá sự phân bố kiểu gen liên quan đến ung thư phổi và ung thư gan	CNĐT nhánh	ĐTĐL.2012-T15 Cấp Nhà nước	6/2012 – 12/2015	Số 4144/QĐ-ĐHYHN; ngày 2/12/2015 Loại Xuất sắc
2	Nghiên cứu những biến đổi trong bộ gen tế bào ung thư phổi và lơ-xê-mi kinh dòng hạt kháng thuốc điều trị đích	CN	KC.04.16/11-15 Cấp Nhà nước	1/2014 – 3/2016	Số 531/QĐ-BKHCN; ngày 16/3/2016 Loại Khá
3	Nghiên cứu xác định đột biến gen quyết định tính đáp ứng thuốc trong điều trị ung thư đại trực tràng và ung thư phổi	Tham gia	KC.04.06/11-15; Cấp Nhà nước	1/2011 – 8/2014	QĐ số 2227/QĐ-BKHCN; ngày 27/8/2014 Loại Khá
4	Nghiên cứu xây dựng quy trình điều trị gen cho bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne	Tham gia	KC.04.08/11-15; Cấp Nhà nước	10/2012 – 11/2015	QĐ số 3475/QĐ-BKHCN; ngày 3/12/2015 Loại Xuất sắc
5	Xây dựng quy trình chẩn đoán trước làm tổ bằng KT Microsatellite DNA để sàng lọc một số bệnh lý di truyền liên kết NST giới tính	Tham gia	KC.04.17/11-15; Cấp Nhà nước	1/2014 – 3/2016	QĐ số 947/QĐ-BKHCN; ngày 27/4/2016 Loại Khá
II	Sau khi được công nhận chức danh Phó Giáo sư				
6	Nghiên cứu sử dụng tế bào miễn dịch tự thân gamma delta T ($\gamma\delta$ T) và diệt tự nhiên (NK) trong điều trị ung thư phổi	CN	KC.04.16/11-15 Cấp Nhà nước	7/2018 – 6/2021	QĐ số 1555/QĐ-BKHCN; ngày 15/6/2021 Loại Đạt
7	Nghiên cứu xác định đột biến một số gen liên quan đến bệnh Parkinson ở người Việt Nam	CN	Số: 09/HĐ-K2ĐT; Cấp Bộ Y tế	7/2020-6/2022	QĐ số 1561/QĐ-ĐHYHN; Ngày 09/6/2022 Đã nghiệm thu cấp cơ sở
8	Nghiên cứu xác định đột biến một số gen trong bệnh u nguyên bào thần	Tham gia	Số: 10/HĐ-K2ĐT; Cấp Bộ Y tế	4/2015-3/2018	QĐ số 2171/QĐ-BYT; Ngày 3/4/2018

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	kinh đệm (Glioblastoma)				Loại Khá
9	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử xác định đột biến gen CYP1B1 trong bệnh Glôcôm bẩm sinh nguyên phát tại Hà Nội.	Tham gia	Số: 38/2016/ HĐ-SKH&CN; Cấp Sở KHCN Hà Nội	1/2017-9/2018	QĐ số 619 /2018/HĐ-SKH&CN; ngày 28/9/2018 Loại Xuất sắc
10	Nghiên cứu xây dựng quy trình xác định đột biến và đa hình thái đơn nucleotid trên một số gen liên quan đến ung thư vú và ung thư buồng trứng	Tham gia	Số: 58/HĐ-K2ĐT; Cấp Bộ Y tế	11/2017-6/2020	QĐ số 3786/QĐ-BYT; Ngày 28/8/2020 Loại Khá
11	Nghiên cứu phát hiện đột biến gen SCN5A và SCN10A gây hội chứng Brugada bằng kỹ thuật sinh học phân tử	Tham gia	Số: 12/HĐ-K2ĐT; Cấp Bộ Y tế	10/2019-6/2022	QĐ số 551/QĐ-ĐHYHN; Ngày 24/3/2022 Đã nghiệm thu cấp cơ sở
12	Đánh giá nguy cơ gây bệnh dựa trên dữ liệu bộ gen người Việt (VGP)	CN	VINIF.2020.DA.02; Quỹ VINIF	10/2020 – 9/2023	Đang thực hiện
13	Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu đột biến gen của SARS-CoV2 tại Việt Nam	Tham gia	Số:102/21-ĐTĐL.CN-CNN Cấp Nhà nước	7/2021 – 12/2023	Đang thực hiện
14	Nghiên cứu giá trị của biến đổi một số gen và biểu hiện micro-RNA huyết thanh trong sàng lọc, chẩn đoán sớm và hỗ trợ điều trị đích bệnh u nguyên bào thần kinh đệm	Tham gia	Số: 12/HĐ-K2ĐT; Cấp Bộ Y tế	9/2021-8/2023	Đang thực hiện
15	Nghiên cứu đặc điểm di truyền đột biến gen RB1 trên bệnh nhân u nguyên bào võng mạc và các thành viên trong gia đình; Đề xuất quy trình xét nghiệm di truyền sàng lọc và chẩn đoán sớm	Tham gia	Số: 06/HĐ-K2ĐT; Cấp Bộ Y tế	6/2021-5/2023	Đang thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Các bài báo khoa học xuất bản trước khi được công nhận chức danh Phó Giáo sư							
II	Các bài báo khoa học xuất bản trên các tạp chí uy tín quốc tế							
1	B cell-specific and stimulation-responsive enhancers derepress Aicda by overcoming the effects of silencers	8	X	<i>Nature Immunology</i>	ISI (IF = 21,5) Scopus Q1	151	Tập: 11; số: 2; trang: 148-155	2010
2	Preventing AID, a physiological mutator, from deleterious activation: regulation of the genomic instability that is associated with antibody diversity	5		<i>International Immunology</i>	ISI (IF = 3,7) Scopus Q1	50	Tập: 22; số: 4; trang: 227-235	2010
3	The inhibitory receptor PD-1 regulates IgA selection and bacterial composition in the gut	8	X	<i>Science</i>	ISI (IF = 37,2) Scopus Q1	398	Tập: 336; số: 6080; trang: 485-489	2012
4	Exon Deletion Patterns of the Dystrophin Gene in 82 Vietnamese Duchenne/Becker Muscular Dystrophy Patients.	8		<i>Journal of Neurogenetics</i>	ISI (IF = 2,3) Scopus Q3	13	Tập: 27; số: 4; trang: 170-175	2013
5	Rapid method for targeted prenatal diagnosis of Duchenne muscular dystrophy in Vietnam.	7		<i>Taiwanese Journal of Obstetrics & Gynecology</i>	ISI (IF = 0,92) Scopus Q3	6	Tập: 52; số: 4; trang: 534-538	2013
6	Validation of ambiguous MLPA results by targeted next-generation sequencing discloses a nonsense mutation in the dystrophin gene.	11		<i>Clinical Chimica Acta</i>	ISI (IF = 2,9) Scopus Q1	15	Tập: 436; trang: 155-159	2014

7	Targeted next-generation sequencing reveals a homozygous nonsense mutation in CAPN3 that cause limb-girdle muscular dystrophy type 2A first in Vietnam.	10		<i>Journal of Molecular Biomarker and Diagnosis</i>	IF = 1,2	1	Tập: 5; số 5; trang: 1-9	2014
8	Genetic analysis of 55 Northern Vietnamese patients with Wilson disease: 7 novel mutations in ATP7B	7		<i>Journal of Genetics</i>	ISI (IF = 1,1) Scopus Q4	9	Tập: 96; số 6; trang: 933-939	2017
II Các bài báo khoa học xuất bản trên các tạp chí uy tín trong nước								
9	Phát hiện một trường hợp đột biến dài 27 exon tại vùng rod của gen dystrophin trên bệnh nhân loạn dưỡng cơ Duchenne	3		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 30; số: 9; trang: 23-28	2005
10	Đột biến gen EGFR, KRAS trong ung thư và liệu pháp điều trị đích	4		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 76; số: 5; trang: 138-148	2011
11	Đột biến gen COL1A1 ở bệnh nhi tạo xương bất toàn	6		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 78; số: 1; trang: 5-10	2012
12	Một trường hợp đột biến tạo mã kết thúc trên gen COL1A1 ở bệnh nhân tạo xương bất toàn	6		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 78; số: 1; trang: 10-13	2012
13	Phát hiện đột biến gen CYP21A2 ở bệnh nhân tăng sản thượng thận bẩm sinh	4		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 78; số: 1; trang: 148-153	2012
14	Mối liên quan giữa mức độ sao chép gen activation induced cytidine deaminase và tỉ lệ đột biến gen P53 ở mô ung thư gan	5		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 80; số: 3; trang: 1-7	2012
15	Xây dựng quy trình phát hiện đột biến gen dystrophin trên bệnh nhân loạn dưỡng cơ Duchenne	5		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 80; số: 3C; trang: 8-15	2012

16	Phân tích đột biến gen dystrophin ở bệnh nhân loạn dưỡng cơ Duchenne	4		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 80; số: 4; trang: 1-6	2012
17	Tạo và tinh sạch kháng thể kháng protein tiểu đơn vị B (EltB) độc tố không chịu nhiệt LT của ETEC	6		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 80; số: 4; trang: 7-13	2012
18	Hiệu quả của điều trị trúng đích bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ có và không có đột biến gen EGFR	6		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 80; số: 4; trang: 14-21	2012
19	Đột biến gen COL1A1 trên bệnh nhân tạo xương bất toàn	5		<i>Tạp chí Y Dược TPHCM</i>			Tập: 17; số: 1; trang: 20-24	2013
20	Phát hiện đột biến gen EGFR bằng kỹ thuật giải trình tự gen và Scorpion ARMS	6		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 83; số: 3PT; trang: 1-6	2013
21	Phát hiện đột biến gen KRAS và bước đầu đánh giá hiệu quả điều trị đích ở bệnh nhân ung thư đại trực tràng	7		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 405; số: 2; trang: 37-41	2013
22	Ứng dụng kỹ thuật giải trình tự xác định đột biến gen EGFR ở mẫu mô ung thư phổi không tế bào nhỏ	7		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 407; số: 1; trang: 129-134	2013
23	Đa hình codon 72 gen p53 trên mẫu bệnh nhân ung thư phổi ở Việt Nam	5		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 407; số: 2; trang: 55-58	2013
24	Đa hình gen Interleukin-10 và Interleukin-28B trên BN nhiễm virus viêm gan C	6		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 412; số: 1; trang: 98-102	2013
25	Phát hiện người lành mang gen bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne bằng kỹ thuật Multiplex Liation Dependent Probe Amplification	3		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 87; số: 2; trang: 1-5	2014

26	Hiệu quả điều trị trúng đích trên bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn muộn có và không có đột biến gen EGFR	5		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 87; số: 2; trang: 6-14	2014
27	Phát hiện người lành mang gen bệnh và chẩn đoán trước sinh bệnh Hemophilia A	6		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 88; số: 3; trang: 1-9	2014
28	Xác định đột biến gen EGFR ở bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ	6		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 90; số: 5; trang: 9-16	2014
29	Phát hiện đột biến gen gây bệnh beta-thalassemia bằng kỹ thuật multiplex ARMS-PCR	6		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 90; số: 5; trang: 17-25	2014
30	Hiệu quả điều trị bằng dexamethasone và chẩn đoán trước sinh bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh thể thiếu 21-hydroxylase	7		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 90; số: 5; trang: 26-34	2014
31	Xác định tính đa hình thái đơn tại vị trí 309 của gen MDM2 ở bệnh nhân ung thư phổi bằng phương pháp PCR- RFLP	7	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 90; số: 5; trang: 35-42	2014
32	Đột biến gen EGFR và KRAS ở bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn cuối	5		<i>Tạp chí Y Dược học lâm sàng 108</i>			Tập: 9; số: ; trang: 82-88	2014
33	Xác định tính đa hình thái đơn Pro47Ser gen p53 trên BN ung thư phổi bằng phương pháp giải trình tự gen	7		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 91; số: 5; trang: 1-5	2014
34	Erlotinib bước một trên bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn muộn có đột biến gen EGFR	4	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 91; số: 5; trang: 6-12	2014
35	Phát hiện đột biến gen F8 gây bệnh hemophilia A	5		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 91; số: 5;	2014

							trang: 13-18	
36	Xác định đột biến lặp đoạn gen dystrophin bằng kỹ thuật Multiplex LigationDependent Probe Amplification	4		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 91; số: 5; trang: 19-23	2014
37	Phát hiện đột biến gen ATP7B trên gia đình bệnh nhân Wilson	7	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 91; số: 5; trang: 30-40	2014
38	Đánh giá hiệu quả điều trị bệnh viêm quanh răng mãn tính bằng phương pháp không phẫu thuật	7		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: ; số: 1; trang: 69-74	2015
39	Tính đa hình T6235C của gen CYP1A1 và nguy cơ với bệnh ung thư phổi	7	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 94; số: 2; trang: 1-8	2015
40	Tính đa hình thái đơn nucleotid 309 gen MDM2 và nguy cơ ung thư tế bào gan nguyên phát ở Việt Nam	7	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 94; số: 2; trang: 9-15	2015
41	Nồng độ EBV-DNA huyết tương của bệnh nhân ung thư vòm mũi họng và mối tương quan với chẩn đoán giai đoạn TMN. (Tumor Node Metasis)	5	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 95; số: 3; trang: 24-31	2015
42	Ứng dụng kỹ thuật MLPA xác định đột biến xóa đoạn gen dystrophin gây bệnh loạn dưỡng Duchenne/Becker	3		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 96; số:4 ; trang: 1-7	2015
43	Phát hiện đột biến gen gây bệnh alpha thalassemia	5		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 96; số: 4; trang: 8-13	2015
44	Xây dựng kỹ thuật microsatellite phát hiện người lành mang gen bệnh hemophilia A	4		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 96; số: 4; trang: 14-22	2015

45	Đa hình gen ty thể HV1 và HV2 trên một nhóm người dân tộc kinh ở Việt Nam	4		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 96; số: 4; trang: 23-30	2015
46	Kháng thuốc gefitinib ở bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ và mối liên quan với đột biến thứ phát trên vùng kinase của gen EGFR	6	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 96; số: 4; trang: 137-143	2015
47	Đa hình thái đơn Nucleotid 309 gen MDM2 và nguy cơ ung thư phổi	4		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 433; số: SDB; trang: 50-54	2015
48	Đột biến T790M thứ phát gây kháng thuốc ức chế hoạt tính EGFR Tyrosine Kinase ở bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ tại Việt Nam	8		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 97; số: 5; trang: 123-128	2015
49	Novel ATP7B mutation in Vietnamese patients with Wilson disease	7		<i>Vietnam Journal of Science</i>			Tập: 2; số: 2; trang: 8-11	2015
50	Xác định đột biến điểm gen dystrophin bằng kỹ thuật giải trình tự gen	3		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 99; số: 1; trang: 1-7	2016
51	Phát hiện đột biến xóa đoạn gen CYP21A2 gây bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh thể thiếu 21-hydroxylase	4		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 99; số: 1; trang: 8-15	2016
52	Xác định đột biến kháng thuốc thứ phát T790M trên gen EGFR ở bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ kháng với thuốc điều trị đích	3	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 99; số: 1; trang: 40-47	2016
53	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị hội chứng thận hư kháng thuốc steroid tại khoa Thận-Lọc máu, BV Nhi Trung ương	8		<i>Tạp chí Khoa học ĐH Quốc gia Hà Nội</i>			Tập: 32; số: 1; trang: 41-46	2016

54	Xác định đột biến gen BCR-ABL gây kháng thuốc điều trị đích trên bệnh nhân Lơ-xê-mi kinh dòng bạch cầu hạt	7			<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 100; số: 2; trang: 1-9	2016
55	Xây dựng kỹ thuật microsatellite DNA phát hiện người lành mang gen bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne	7			<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 100; số: 2; trang: 18-25	2016
56	Đa hình kiểu gen TP53 SNP Arg72Pro trên bệnh nhân ung thư tế bào gan nguyên phát tại Việt Nam	7	X		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 100; số: 2; trang: 26-32	2016
57	Xác định đột biến gen ATP7B trên bệnh nhân và phát hiện người lành mang gen bệnh trên thành viên gia đình bệnh wilson	5	X		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 100; số: 2; trang: 33-41	2016
58	Tính đa hình G4268 của gen CYP2D6 trên bệnh nhân ung thư phổi	7	X		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 100; số: 2; trang: 42-49	2016
59	Đột biến T790M thứ phát trên gen EGFR và mối liên quan với tình trạng kháng thuốc điều trị đích ở bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ	8	X		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 101; số: 3; trang: 10-17	2016
60	Một số đa hình gen TP53 trong ung thư tế bào gan nguyên phát	2	X		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 102; số: 4; trang: 1-9	2016
61	Phát hiện người lành mang đột biến gen F8 dị hợp tử bệnh hemophilia A	5	X		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 443; số: 1; trang: 145-148	2016
62	Tỷ lệ đột biến gen KRAS và NRAS ở bệnh nhân ung thư đại trực tràng	3			<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 446; số: 2; trang: 95-99	2016
63	Targeting TKI-Resistance in non small cell lung cancer patient causing by	5	X		<i>Journal of Medical Research</i>			Tập: 105E1; số: 7; trang: 11-19	2017

	secondary EGFR T790M mutation							
64	Mutation in type I collagen genes resulting in osteogenesis imperfecta in Northern Vietnamese patients	5		<i>Journal of Medical Research</i>			Tập: 105E1; số: 7; trang: 20-26	2017
65	High Frequency of Epidermal Growth Factor Receptor Mutations in Non-Small Cell Lung Cancers in Vietnam	4		<i>Journal of Medical Research</i>			Tập: 105E1; số: 7; trang: 27-38	2017
66	Đa hình kiểu gen MDM2 và nguy cơ ung thư tế bào gan nguyên phát của bệnh nhân nhiễm HBV	2	X	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 451; số: 1; trang: 121-125	2017
67	Mối liên quan giữa SNP72 gen P53 và SNP390 gen MDM2 với nguy cơ ung thư phổi	2		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 106; số: 1; trang: 1-8	2017
68	Xác định người lành mang gen bệnh hemophilia A bằng kỹ thuật microsatellite-DNA	3		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 106; số: 1; trang: 24-32	2017
69	Tính đa hình A4889G của gen CYP1B1 trên bệnh nhân ung thư phổi	3	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 106; số: 1; trang: 48-55	2017
70	Xác định tính đa hình thái thêm 16 bp ở vùng intron 3 của gen TP53 trên bệnh nhân ung thư phổi bằng phương pháp PCR	2		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 107; số: 2; trang: 1-6	2017
71	Vai trò của đa hình rs6010620 gen RTEL1 trên bệnh nhân u nguyên bào thần kinh đệm	8	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 108; số: 3; trang: 1-7	2017
72	Phân tích trình tự vùng gen ty thể HV1 và HV2 trên dân tộc Chăm Việt Nam	3		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 108; số: 3; trang: 8-15	2017
73	Đa hình nucleotid đơn R72P gen TP53 và khả năng mắc ung thư tế bào	2	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 108; số: 3;	2017

	gan nguyên phát ở người nhiễm hepatitis B virus						trang: 16-23	
74	Mối liên quan của đa hình rs2297440 gen RTEL1 đối với bệnh u nguyên bào thần kinh đệm	2		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 457; số: 2; trang: 139-142	2017
75	Đa hình thái đơn gen ADH1C trong ung thư tế bào gan nguyên phát	5	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 109; số: 4; trang: 1-8	2017
76	Mối liên quan giữa đa hình thái đơn gen ADH1C và các yếu tố nguy cơ trong ung thư tế bào gan nguyên phát	5	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 109; số: 4; trang: 9-18	2017
77	Nghiên cứu sự phân bố kiểu gen ALDH2 và liên quan với nguy cơ mắc ung thư gan nguyên phát	2	X	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 458; số: SDB; trang: 124-130	2017
78	Xác định một số đa hình gen TP53 trong ung thư phổi	3	X	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 458; số: SDB; trang: 176-182	2017
Các bài báo khoa học xuất bản sau khi được công nhận chức danh Phó Giáo sư								
Các bài báo khoa học xuất bản trên các tạp chí uy tín quốc tế								
79	Prenatal diagnosis of a case with SEA-HPFH deletion thalassemia with whole HBB gene deletion	9		<i>Taiwanese Journal of Obstetrics & Gynecology</i>	ISI (IF = 1,705) Scopus Q3	1	Tập: 57; số: 3; trang: 435-442	2018
80	Mosaicism in carrier of Duchenne muscular dystrophy Mutation Implication for prenatal diagnosis	10		<i>Taiwanese Journal of Obstetrics & Gynecology</i>	ISI (IF = 1,705) Scopus Q3	5	Tập: 57; số: 3; trang: 787-880	2018
81	Novel variants of CYP21A2 in Vietnamese patients with congenital adrenal hyperplasia	13	X	<i>Molecular Genetics & Genomic Medicine</i>	ISI (IF = 2,73) Scopus Q3	7	Tập: 7; số: 5; trang: e623-630	2019
82	Mutation characteristic of 103 haemophilia A patients in Vietnam: Identification of novel mutations	10	X	<i>Haemophilia</i>	ISI (IF = 2,76) Scopus Q1	1	Tập: 25; số: 4; trang: e274-277	2019

83	Acromesomelic Dysplasia Maroteaux-type in patients from Vietnam	10	X	<i>American Journal of Medical Genetics – Part A</i>	ISI (IF = 2,26) Scopus Q2	7	Tập: 179A; số: ; trang: 1420-1422	2019
84	Assessment of 6 STR loci for prenatal diagnosis of Duchenne Muscular Dystrophy	11		<i>Taiwanese Journal of Obstetrics & Gynecology</i>	ISI (IF = 1,705) Scopus Q3	4	Tập: 58; số: 5; trang: 645- 649	2019
85	Primary Congenital Glaucoma in Vietnam: Analysis and identification of novel CYP1B1 variants	11	X	<i>Ophthalmic Genetics</i>	ISI (IF = 0,58) Scopus Q2	2	Tập: 40; số: 3; trang: 286- 287	2019
86	A Novel Nonsense Mutation c.374C>G in CYP21A2 Gene of a Vietnamese Patient with Congenital Adrenal Hyperplasia	7		<i>Advances in Experimental Medicine & Biology</i>	Scopus Q3 (IF = 1,9)		Tập: 1292; số: ; trang: 27-35	2020
87	Variation of Mitochondrial DNA HV1 AND HV2 of the Vietnamese Population	12		<i>Advances in Experimental Medicine & Biology</i>	Scopus Q3 (IF = 1,9)		Tập: 1292; số: ; trang: 47-63	2020
88	A case of self-improving collodion ichthyosis in Vietnam	8		<i>Pediatric Dermatology</i>	ISI (IF = 1,588) Scopus Q2	4	Tập: 37; số: 3; trang: 574- 575	2020
89	Relation between Single Nucleotide Polymorphisms rs3738423 (C>T) of NPHS2 Gene and some Biochemical Parameters in Pediatrics Nephrotic Syndrome Patients	8		<i>Walailak Journal of Science and Technology</i>	Scopus Q3 (IF = 0,67)		Tập: 18; số: 1; trang: 6518-6524	2021
90	Association of the STAT4, CDKN1A, and IRF5 variants with risk of lupus nephritis and renal biopsy classification in patients in Vietnam	10	X	<i>Molecular genetics & genomic medicine</i>	ISI (IF = 1,995) Scopus Q3	2	Tập: 9; số: 4; trang: e1648- 1653	2021
91	Oro-Dental Health and Primary Nephrotic Syndrome among Vietnamese Children	9		<i>Children</i>	Scopus Q2 IF = 2,078		Tập: 8; số: 6; trang: 494-503	2021

92	Microcephaly primary hereditary (MCPH): Report of novel ASPM variants and prenatal diagnosis in a Vietnamese family	9	X	<i>Taiwanese Journal of Obstetrics & Gynecology</i>	ISI (IF = 1,705) Scopus Q3		Tập: 60; số: 5; trang: 907-910	2021
93	Diagnosis and Management of a Patient With Primary Hypertrophic Osteoarthropathy With SCLO2A1 Pathogenic Variants in Vietnam	8	X	<i>Journal of Clinical Rheumatology</i>	ISI (IF = 1,897) Scopus Q3		Tập: 27; số: 8s; trang: 739-740	2021
94	BRCA1/2 Mutations in Vietnamese Patients with Hereditary Breast and Ovarian Cancer Syndrome	11	X	<i>Genes</i>	ISI (IF = 4,096) Scopus Q2		Tập: 13; số: 2; trang: 268-278	2022
95	Whole exome sequencing analysis in a couple with three children who died prematurely due to carnitine-acylcarnitine translocase deficiency	9	X	<i>Taiwanese Journal of Obstetrics & Gynecology</i>	ISI (IF = 1,705) Scopus Q3		Tập: 61; số: 1; trang: 153-156	2022
96	Investigation of target sequencing of SARS-CoV-2 and immunogenic GWAS profiling in host cells of COVID-19 in Vietnam	11		<i>BMC Infectious Diseases</i>	ISI (IF = 3,090) Scopus Q2		Tập: 22; số: 558; trang: 1-10	2022
Các bài báo khoa học xuất bản trên các tạp chí uy tín trong nước								
97	Xác định đột biến gen CYP1B1 ở bệnh nhân glomcom bẩm sinh nguyên phát	3		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 110; số: 1; trang: 32-38	2018
98	Nghiên cứu xác định đột biến gen RB1 và phát hiện người lành mang gen bệnh u nguyên bào võng mạc	5		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 110; số: 1; trang: 39-48	2018
99	Ứng dụng kỹ thuật microsattelite DNA trong chẩn đoán trước sinh bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne	4		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 112; số: 3; trang: 1-7	2018
100	Nuôi cấy tăng sinh tế bào TCD8 ở bệnh nhân ung thư phổi	6		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 115; số: 6; trang: 8-15	2018

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

101	Mối liên quan giữa đa hình nucleotide đơn Xrcc1 Arg399gln với nguy cơ mắc lupus ban đỏ hệ thống	5	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 115; số: 6; trang: 16- 24	2018
102	Mối liên quan giữa đột biến gen Atp7b với ceruloplasmin huyết thanh và đồng niệu 24 giờ ở bệnh nhân Wilson	4		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 115; số: 6; trang: 38- 44	2018
103	Đặc điểm kiểu gen Cyp21a2 của gia đình bệnh nhân tăng sản thượng thận bẩm sinh thể thiếu 21-hydroxylase thể mất muối nặng	5		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 115; số: 6; trang: 45- 52	2018
104	Đa hình đơn nucleotide A17893g của gen Xrcc3 trong ung thư buồng trứng	5	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 115; số: 6; trang: 53- 60	2018
105	Xác định đột biến gen CYP21A2 ở bệnh nhân tăng sản thượng thận bẩm sinh thể thiếu 21-Hydroxylase	6		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 468; số: 2; trang: 36- 40	2018
106	Đánh giá mối tương quan giữa đột biến gen CYP21A2 và đặc điểm cận lâm sàng của bệnh nhân tăng sản thượng thận bẩm sinh thể thiếu 21-Hydroxylase	5		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 470; số: SCD; trang: 82- 88	2018
107	Áp dụng kỹ thuật Microsatellite DNA trong chẩn đoán trước lâm tổ bệnh Hemophillia	5		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 470; số: SCD; trang: 100- 108	2018
108	Ứng dụng kỹ thuật Microsatellite DNA trong chẩn đoán trước sinh bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne	4		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 470; số: SCD; trang: 185- 191	2018
109	Áp dụng kỹ thuật MLPA trong phát hiện đột biến xóa đoạn gen CYP21A2 gây bệnh tăng sản thượng thận	7		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 117; số: 1; trang: 1-7	2019

	bẩm sinh thể thiếu 21-hydroxylase							
110	Xác định đột biến gen CYP1B1 trên bệnh nhân glôm bom bẩm sinh nguyên phát bằng kỹ thuật giải trình tự gen	5			<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 117; số: 1; trang: 8-14 2019
111	Xác định đột biến gen CYP21A2 trên bệnh nhân tăng sản thượng thận bẩm sinh thiếu 21-hydroxylase thể mất muối	5			<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 117; số: 1; trang: 39-44 2019
112	Áp dụng kỹ thuật giải trình tự gen phát hiện đột biến điểm gen CYP21A2 gây bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh thể thiếu 21-hydroxylase	5	X		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 119; số: 3; trang: 1-7 2019
113	Ứng dụng PD-1 trong liệu pháp miễn dịch điều trị ung thư: từ phát hiện đến giải nobel y học 2018	4			<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 119; số: 3; trang: 157-160 2019
114	Đa hình đơn nucleotide RS1799796 của gen XRCC3 trong ung thư vú	6			<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 122; số: 6; trang: 1-8 2019
115	Nuôi cấy hoạt hóa, tăng sinh tế bào TCD8 ở bệnh nhân ung thư dạ dày	11			<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 123; số: 7; trang: 1-8 2019
116	Khảo sát nồng độ CEA, CYFRA 21-1, SCC huyết tương trong theo dõi điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ	2			<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 123; số: 7; trang: 26-32 2019
117	Xác định người lành mang gen bệnh loạn dưỡng cơ Duchenne bằng kỹ thuật microsatellite- DNA	3			<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam</i>			Tập: 61; số: 11; trang: 58-61 2019
118	Nuôi cấy hoạt hóa, tăng sinh tế bào gamma delta T trên bệnh nhân ung thư phổi	6			<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam</i>			Tập: 62; số: 2; trang: 1-5 2020
119	Phân loại thể bệnh lâm sàng bệnh tăng sản thượng thận	5			<i>Tạp chí Khoa học và Công</i>			Tập: 62; số: 2; 2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	bẩm sinh thể thiếu 21-hydroxylase ở bệnh nhi điều trị tại Bệnh viện Nhi Trung ương			<i>nghệ Việt Nam</i>			trang: 10-13	
120	Đột biến EGFR-T790M liên quan đến kháng thuốc ức chế tyrosine kinase ở bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ	4		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 126; số: 2; trang: 7-15	2020
121	Xác định đột biến một số vùng trọng điểm của gen G6PG ở bệnh nhân thiếu hụt enzyme G6PD	5		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 493; số: 2; trang: 128-131	2020
122	Mối liên quan giữa đa hình rs1801320 gen Rad51 và nguy cơ mắc ung thư buồng trứng	8	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 128; số: 4; trang: 1-9	2020
123	Mối liên quan giữa đa hình đơn nucleotide của gen RAD51 và nguy cơ mắc ung thư vú	5		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 130; số: 6; trang: 45-52	2020
124	Mối liên quan giữa đa hình đơn rs861539 gen XRCC3 và nguy cơ mắc ung thư buồng trứng	9	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 130; số: 6; trang: 53-59	2020
125	Áp dụng hướng dẫn EP15A3 của CLSI trong xác nhận độ tập trung và độ chính xác cho một số chỉ số miễn dịch trên máy Roche Cobas 8000	3		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 133; số: 9; trang: 19-25	2020
126	Phân tích đa hình đơn nucleotid RS1801320 của gen RAD51 trên bệnh nhân ung thư biểu mô buồng trứng	5		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 133; số: 9; trang: 26-32	2020
127	Kháng thuốc ức chế Tyrosine Kinase thế hệ thứ nhất ở bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ	4		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 134; số: 10; trang: 56-64	2020
128	Nghiên cứu mối liên quan giữa đa hình đơn nucleotide	7	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 135; số: 11; trang: 8-15	2020

	TNF-A (-308) G→A với bệnh bụi phổi silic							
129	Giá trị của adenosin deaminase dịch não tuỷ trong chẩn đoán lao màng não	3		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 135; số: 11; trang: 133-142	2020
130	Xác định đột biến gen CYP21A2 trên bệnh nhân tăng sản thượng thận bẩm sinh thiếu 21-hydroxylase thể nam hóa đơn thuần	3		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 499; số: 1; trang: 196-200	2021
131	Đánh giá kết quả thuốc Erlotinib trong điều trị bước một ung thư phổi không tế bào nhỏ có đột biến EGFR	3		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 137; số: 1; trang: 76-83	2021
132	Mối liên quan giữa đa hình đơn RS1799794 gen XRCC3 và nguy cơ mắc ung thư buồng trứng	7	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 137; số: 1; trang: 181-189	2021
133	Đa hình đơn nucleotide rs1799794 của gen XRCC3 trên bệnh nhân ung thư vú	6		<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam</i>			Tập: 63; số: 2; trang: 5-9	2021
134	Nuôi cấy hoạt hóa, tăng sinh tế bào NK trên bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ	5		<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 138; số: 2; trang: 8-18	2021
135	Đánh giá mối tương quan giữa kiểu gen và kiểu hình bệnh tăng sản thượng thận bẩm sinh thể thiếu enzym 21-hydroxylase	3	X	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 501; số: 1; trang: 156-160	2021
136	Đánh giá chất lượng cuộc sống bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ được điều trị bằng liệu pháp miễn dịch tự thân tế bào diệt tự nhiên (NK)	9	X	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 502; số: 1; trang: 220-225	2021
137	Phát hiện đột biến mới D252N trên gen SCN5A ở bệnh nhân hội chứng Brugada	5	X	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam</i>			Tập: 63; số: 7; trang: 1-6	2021

138	Ứng dụng kỹ thuật Multiplex Ligation-Dependent Probe Amplification xác định đột biến gen α thalassemia ở bệnh nhân hbh	4		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 509; số: 1; trang: 221-224	2021
139	Phát hiện đột biến gen RB1 trên mẫu mô u nguyên bào võng mạc tại miền Bắc Việt Nam năm 2020	5		<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam</i>			Tập: 63; số: 9; trang: 10-13	2021
140	Xác định đột biến gen LRRK2 ở bệnh nhân Parkinson	4	X	<i>Tạp chí Nghiên cứu Y học</i>			Tập: 151; số: 3; trang: 18-25	2022
141	Đột biến gen SCN5A và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân hội chứng Brugada Việt Nam	5	X	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 512; số: 1; trang: 275-281	2022
142	Phát hiện đột biến gen G6PD ở bệnh nhân thuộc nhóm dân tộc tày thiếu hụt enzyme Glucose-6-phosphatase dehydrogenase	3	X	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 513; số: 2; trang: 192-196	2022
143	Khảo sát tính sinh bệnh của đột biến gen SCN5A trong hội chứng Brugada	5		<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 513; số: 2; trang: 216-222	2022
144	Xác định đột biến gen EGFR và đột biến dung hợp gen EML4-ALK ở bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ	2	X	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 513; số: 2; trang: 278-281	2022
145	Xác định đột biến trên gen SNCA và gen PARK7 ở bệnh nhân Parkinson	3	X	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 514; số: 1; trang: 239-243	2022
146	Xác định đột biến gen G6PD ở bệnh nhân thuộc dân tộc Mường thiếu hụt enzyme G6PD	3	X	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 514; số: 2; trang: 77-81	2022
147	Tỷ lệ đột biến gen EGFR và đột biến dung hợp gen EML4-ALK, ROS1 ở bệnh	3	X	<i>Tạp chí Y học Việt Nam</i>			Tập: 514; số: 2; trang: 189-193	2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ							
148	Phát hiện đột biến gen G6PD ở bệnh nhân dân tộc Thái thiếu hụt enzyme Glucose-6-phosphatase dehydrogenase	3	X	Tạp chí Nghiên cứu Y học			Tập: 155; số: 7; trang: 8-13	2022
149	Xác định đột biến điểm trên gen PARK2 ở bệnh nhân Parkinson bằng kỹ thuật giải trình tự gen	4	X	Tạp chí Nghiên cứu Y học			Tập: 155; số: 7; trang: 14-20	2022

- Trong đó: Số lượng và thứ tự các bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau Phó Giáo sư là **09** bài, theo các thứ tự là: **81, 82, 83, 85, 90, 92, 93, 94, 95**.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa dựa trên năng lực	Phụ trách Module: Nguyên tử, phân tử, tế bào	QĐ số 3273/QĐ-ĐHYHN, ngày 17/7/2019; QĐ số 7194/QĐ-ĐHYHN, ngày 31/12/2019	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 4181/QĐ-ĐHYHN, ngày 29/8/2019	
2	Chương trình đào tạo trình độ Đại học, hệ chính quy, ngành Bác sĩ Răng Hàm Mặt (cập nhật sau rà soát, chỉnh sửa)	Phụ trách Module: Nguyên tử, phân tử, tế bào	QĐ số 3274/QĐ-ĐHYHN, ngày 17/7/2019; QĐ số 7194/QĐ-ĐHYHN, ngày 31/12/2019	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 3052/QĐ-ĐHYHN, ngày 31/7/2020	
3	Chương trình đào tạo Đại học Điều dưỡng dựa trên năng lực	Phụ trách Module: Nguyên tử, phân tử, tế bào	QĐ số 3275/QĐ-ĐHYHN, ngày 17/7/2019; QĐ số 7194/QĐ-ĐHYHN, ngày 31/12/2019	Trường Đại học Y Hà Nội	QĐ số 2950/QĐ-ĐHYHN, ngày 21/7/2020	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS: Đủ

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo: Đủ

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp: Đủ

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi: Đủ

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH/CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 03 NCS đã có Quyết định cấp bằng Tiến sĩ, trong đó có 02 NCS có Quyết định cấp bằng Tiến sĩ sau khi bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư.

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 02 Đề tài KH&CN cấp Nhà nước, 01 Đề tài Ngành cấp Nhà nước đã nghiệm thu, trong đó có 01 Đề tài cấp Nhà nước sau khi bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư.

- Đã công bố được 26 công trình khoa học trên các tạp chí quốc tế uy tín, trong đó có 11 công trình khoa học là tác giả chính (tác giả đầu/tác giả liên hệ), trong đó có 09; công trình khoa học được công bố sau khi bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

Đã chủ biên và tham gia viết 08 cuốn sách là Giáo trình/Sách chuyên khảo, trong đó là Chủ biên/viết một mình 02 cuốn sách Chuyên khảo, trong đó có 06 cuốn sách được xuất bản sau khi bổ nhiệm chức danh Phó giáo sư.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Trần Huy Thịnh